

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/DS-ST
Ngày 10/9/2024
V/v “tranh chấp hợp đồng vay
có cầm cố tài sản”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Út và ông Lê Huỳnh Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh H - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 162/2024/TLST- DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐST- DS, ngày 10 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 65/2024/QĐST-DS ngày 09/8/2024, giữa:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần S1 Có Ngay.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N – chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn S – Chức vụ: Teamlead (Theo giấy uỷ quyền ngày 15/10/2023) (có mặt).

Địa chỉ: Số B L, khu phố I, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Ông Nguyễn Duy H1, sinh năm: 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/8/2020, thông qua Hợp đồng cầm cố số P2M200801017NA20X, Công ty Trách nhiệm hữu hạn S2 (nay là Công ty Cổ phần S1) - Chi nhánh P (Sau đây viết tắt là Công ty) đã giải ngân cho ông Nguyễn Duy H1 vay số tiền 25.000.000 đồng; Công ty nhận bảo đảm khoản tiền cầm cố trên thông qua Hợp đồng cầm cố số P2M200801017NA20X, số đăng ký giao dịch đảm bảo trên hệ thống Đăng ký trực tuyến của Cục Đ: Giaodichdambao/botuphap: số 1379196857 theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/> với tài sản cầm cố là mô tô: HONDA VARIO biển số 85B1-799.60, số khung: 4110KK716565, số máy: KF41E1719250 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Duy H1.

Ngoài ra, ngày 13/8/2020 bị đơn ông Nguyễn Duy H1 đã có Giấy ủy quyền cho Công ty với nội dung, bên nhận ủy quyền được thay mặt bên ủy quyền “quản lý, sử dụng, định đoạt (cho thuê, bán) chiếc xe mang biển số 85B1-799.60 và cũng trong ngày 13/8/2020 ông Nguyễn Duy H1 đã có đơn gửi Công ty xin mượn lại chiếc xe mang biển số 85B1-799.60 đã được cầm cố trên trong thời hạn 01 tháng từ ngày 13/8/2020 đến hết ngày 13/9/2020 và phía nguyên đơn đã bàn giao tài sản cầm cố trên cho phía bị đơn.

Theo nội dung của hợp đồng cầm cố số P2M200801017NA20X ngày 13/8/2020 thời hạn cầm cố là 18 tháng, kể từ ngày 13/8/2020 đến ngày 13/02/2022, lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng vào các ngày 09/9/2020, 11/10/2020, 11/11/2020, 17/6/2021; khách hàng đóng tổng cộng 8.624.000 đồng, trong đó 2.788.180 đồng tiền gốc, 795.453 đồng tiền lãi và 361.569 đồng phí quản lý hồ sơ; 2.530.987 đồng phí mượn xe, 2.157.814 đồng vi phạm trả nợ quá hạn. Sau đó, ông H1 không thanh toán đúng hạn cho Công ty. Sau ngày 11/11/2020, khách hàng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cầm cố. Công ty đã nhiều lần gọi điện, cử nhân viên công ty đến gặp trực tiếp ông H1 thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng cầm cố đã ký hoặc bàn giao tài sản cầm cố đã mượn lại của công ty để đảm bảo cho khoản cầm cố của ông H1 với công ty. Ông H1 vẫn không hợp tác, cố tình lẩn tránh không thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký và không bàn giao tài sản cầm cố mà ông H1 đã mượn của công ty theo giấy mượn xe ngày 13/8/2020.

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2023 Công ty cổ phần S1 Có Ngay yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Duy H1 phải giao trả lại chiếc xe HONDA VARIO biển số 85B1-799.60 cầm cố mà phía bị đơn đã mượn lại của Công ty, phí mượn xe 750.000đồng/tháng để hai bên thực hiện việc thanh lý hợp đồng cầm cố, bàn giao tài sản và giấy tờ liên quan theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Nguyễn Duy H1 không thể trả lại xe cầm cố thì có nghĩa vụ thanh toán cả gốc lẫn lãi tại thời điểm hiện tại thông qua hợp đồng cầm cố tài sản khoản tiền 65.000.000 đồng cho Công ty.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn S người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin thay đổi lại yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Duy H1 thanh toán số tiền tính từ ngày trở thanh toán đến ngày 05/9/2024 là 40.535.278 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng). Bao gồm các khoản: Tiền gốc: 22.221.830 đồng (Điều 2 hợp đồng), tiền lãi trong hạn 1.1%/tháng: 2.180.400 đồng (Mục 1 Điều 4 hợp đồng), Lãi suất quá hạn: 16.133.048 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Duy H1: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H1 nhưng ông H1 vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự, còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản*” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại phường Đ, TP. - T. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - T đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ, bị đơn đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn S người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Duy H1 thanh toán số tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính từ ngày trễ thanh toán đến ngày 05/9/2024 là 40.535.278 đồng (*Bốn mươi triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng*). Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố Tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hợp đồng cầm cố số P2M200801017NA20X ngày 13/8/2020, phiếu đăng ký cầm cố xe máy ngày 13/8/2020, giấy mượn xe ngày 13/8/2020, thấy rằng các giấy tờ trên đều có tên và chữ ký của ông Nguyễn Duy H1. Căn cứ vào các chứng cứ trên có đủ cơ sở để xác định: Ngày 13/8/2020, ông Nguyễn Duy H1 có ký hợp đồng cầm cố với Công ty TNHH S3 (Nay là Công ty cổ phần S1 Có Ngay) tài sản cầm cố chiếc xe máy: HONDA VARIO biển số 85B1-799.60, số khung: 4110KK716565, số máy: KF41E1719250 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Duy H1; Số tiền cầm cố 25.000.000 đồng, thời hạn cầm cố 18 tháng, kể từ ngày 13/8/2020 đến

ngày 13/02/2022, lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng vào các ngày 09/9/2020;11/10/2020;11/11/2020; 17/6/2021 khách hàng đóng tổng cộng 8.624.000 đồng. Trong đó 2.788.180 đồng tiền gốc, 795.453 đồng tiền lãi và 361.569 đồng phí quản lý hồ sơ; 2.530.987 đồng phí mượn xe, 2.157.814 đồng vi phạm trả nợ quá hạn

[2.3] Đến hạn trả nợ ông **H1** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm Hợp đồng đã ký kết. Từ ngày 11/11/2020, Công ty đã chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn đã thỏa thuận là phù hợp với Hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết. Tính đến ngày 05/9/2024 của ông **Nguyễn Duy H1** còn nợ Công ty số tiền là 40.535.278 đồng (*Bốn mươi triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng*). Bao gồm các khoản: Tiền gốc: 22.221.830 đồng (Điều 2 hợp đồng), tiền lãi trong hạn 1.1%/tháng: 2.180.400 đồng (Mục 1 Điều 4 hợp đồng), Lãi suất quá hạn: 16.133.048 đồng.

[2.4] Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án thì ông **Nguyễn Duy H1** vắng mặt, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty. Vì vậy, căn cứ vào Điều 466 của Bộ Luật dân sự và khoản 2 Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, 309 Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S1 Có Ngay
 2. Buộc ông Nguyễn Duy H1 có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần S1 Có Ngay số tiền 40.535.278 đồng (*Bốn mươi triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng*).
 3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.
 4. Về án phí: Ông Nguyễn Duy H1 phải chịu: 2.027.000 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
H2 lại cho Công ty cổ phần S1 Có Ngay số tiền 1.625.000 đồng (Một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001351 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.
 5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.
- Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Út Lê Huỳnh Sinh

Nguyễn Xuân Hùng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Liên Lê Đình Nguyên

Nguyễn Xuân Hùng